

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *1122* /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày *13* tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 602/BKHĐT-TCTK ngày 9/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng thường trực CP (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng;
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để đăng tin);
- Lưu: VT, TCTK.

70



Nguyễn Chí Dũng

KẾ HOẠCH

Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011–2020 và tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021–2030 và tầm nhìn đến năm 2045

Ban hành kèm theo Quyết định số 422/QĐ-BKHĐT ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư



Thực hiện Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Công văn số 602/BKHĐT-TCTK ngày 9/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020) của các bộ, ngành và địa phương; qua đó nêu bật những thành tích, hiệu quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2030; kiến nghị, đề xuất xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển thống kê Việt Nam và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thống kê.

- Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược giai đoạn 2021 - 2030) với các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thống kê cụ thể trên từng lĩnh vực, phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020.

2. Yêu cầu

- Các bộ, ngành, địa phương đánh giá cụ thể, khách quan kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thống kê và trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phân công; rà soát, thống kê hệ thống văn bản triển khai thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020 của bộ, ngành, địa phương và các số liệu liên quan bảo đảm đầy đủ, chính xác.

- Công tác tổ chức tổng kết Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020 bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí; bảo đảm công tác phối hợp chặt chẽ giữa

các cấp, các ngành; tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hay, cách làm hiệu quả của các bộ, ngành, địa phương. Công tác khen thưởng thực hiện đúng quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, tránh khen tràn lan, hình thức.

- Việc xây dựng Chiến lược giai đoạn 2021 - 2030 bảo đảm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về thống kê; bảo đảm tính kế thừa, đồng thời đề xuất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thống kê mới nhằm phát triển toàn diện thống kê Việt Nam.

II. NỘI DUNG

1. Thời gian tổ chức Hội nghị tổng kết toàn quốc: dự kiến tháng 3/2021 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản thông báo thời gian cụ thể sau).

2. Địa điểm: Trụ sở Tổng cục Thống kê; địa chỉ: số 54, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

3. Thành phần tham dự

- Mời Lãnh đạo Chính phủ chủ trì hội nghị;
- Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Đại diện một số ban của Đảng; Quốc hội, các bộ, cơ quan trung ương;
- Đại diện Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đại diện một số cơ quan báo chí; đại diện một số tổ chức quốc tế tại Việt Nam;
- Đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện Chiến lược;
- Đại diện các tổ chức, cá nhân có tham luận tại Hội nghị;
- Đại diện tập thể và các cá nhân được cấp có thẩm quyền khen thưởng thành tích thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020.

4. Nội dung

a) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020, gồm các nội dung sau:

- Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện;
- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thống kê; tác động của việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020 đối với sự phát triển thống kê Việt Nam trong 10 năm qua;

- Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới;

- Các kiến nghị, đề xuất xây dựng Chiến lược giai đoạn 2021-2030.

(Các bộ, ngành và địa phương xây dựng Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển thống kê của bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2011-2020 theo Phụ lục 1 và các biểu kèm theo).

b) Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản riêng hướng dẫn chi tiết.

- Căn cứ quy định của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành, địa phương khen thưởng theo thẩm quyền đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chiến lược, Chương trình phát triển Thống kê giai đoạn 2011 - 2020 của bộ, ngành, địa phương.

c) Xây dựng Chiến lược giai đoạn 2021 - 2030 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

a) Xây dựng, ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020 và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện. Thời gian: tháng 7/2020.

b) Xây dựng văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương về công tác khen thưởng thành tích thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020. Thời gian: tháng 7/2020.

c) Tổ chức kiểm tra thực tế, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020 tại các bộ, ngành và địa phương; tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020; lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và hoàn thiện dự thảo Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ. Thời gian: tháng 7 đến tháng 9/2020.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Chiến lược giai đoạn 2021-2030; tổ chức lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và hoàn thiện dự thảo nêu trên. Thời gian: từ tháng 7/2020 đến tháng 02/2021.

đ) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị để tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020 và xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về dự thảo Chiến lược giai đoạn 2021-2030.

e) Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Chiến lược giai đoạn 2021 - 2030. Thời gian: tháng 4/2021.

2. Văn phòng Chính phủ

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trong quá trình tổ chức tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020; xây dựng dự thảo Chiến lược giai đoạn 2021-2030 để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các bộ, ngành trung ương

a) Xây dựng Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược, Chương trình phát triển thống kê giai đoạn 2011 - 2020 của bộ, ngành; hướng dẫn, kiểm tra thực tế,

đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược, Chương trình phát triển thống kê giai đoạn 2011-2020 của các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý. Thời gian: tháng 8/2020.

b) Tổ chức hội nghị tổng kết cấp bộ đánh giá việc thực hiện Chiến lược, chương trình phát triển Thống kê giai đoạn 2011-2020; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo thẩm quyền; lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng. Thời gian: trước ngày 15/11/2020.

c) Tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020 của bộ, ngành và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư qua Tổng cục Thống kê (gửi cùng hồ sơ đề nghị khen thưởng) để tổng hợp, phục vụ Hội nghị tổng kết toàn quốc. Thời gian: trước ngày 15/12/2020.

d) Chuẩn bị nội dung tham luận tại Hội nghị tổng kết toàn quốc theo chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành; trong đó chú trọng chia sẻ kinh nghiệm, sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả của bộ, ngành (Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản đề nghị các bộ, ngành báo cáo tham luận sau).

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Xây dựng Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược, Chương trình phát triển Thống kê giai đoạn 2011 - 2020 của địa phương; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược, Chương trình phát triển Thống kê giai đoạn 2011-2020 của các sở, ngành và các quận, huyện, thành phố, thị xã. Thời gian: tháng 8/2020.

b) Tổ chức hội nghị tổng kết cấp tỉnh đánh giá việc thực hiện Chiến lược, Chương trình phát triển Thống kê giai đoạn 2011-2020; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo thẩm quyền; lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng. Thời gian: trước ngày 15/11/2020.

c) Tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020 của địa phương và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư qua Tổng cục Thống kê (gửi cùng hồ sơ đề nghị khen thưởng) để tổng hợp, phục vụ Hội nghị tổng kết toàn quốc. Thời gian: trước ngày 15/12/2020.

d) Chuẩn bị nội dung tham luận tại Hội nghị tổng kết toàn quốc; trong đó chú trọng chia sẻ kinh nghiệm, sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả của địa phương (Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản đề nghị các địa phương báo cáo tham luận sau).

Trên đây là Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp thực hiện bảo đảm tiến độ và mục đích, yêu cầu đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (qua Tổng cục Thống kê) để tổng hợp, xem xét, giải quyết./.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

PHỤ LỤC I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM
2030

(Kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-BKHĐT ngày 3/7/2020 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phạm vi báo cáo, đánh giá:

- Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chiến lược thống kê giai đoạn 2011-2020).

- Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành kèm theo Công văn số 602/BKHĐT-TCTK ngày 12/2/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi tắt là Kế hoạch 602).

- Chương trình, Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê của bộ, ngành và địa phương giai đoạn 2011-2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình, Kế hoạch của bộ, ngành, địa phương).

I. KHÁI QUÁT CÔNG TÁC THỐNG KÊ CỦA BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

- Đặc điểm, tình hình nổi bật về công tác thống kê thuộc phạm vi bộ, ngành, địa phương quản lý (về tổ chức, nhân lực làm công tác thống kê; về hoạt động thống kê và quản lý nhà nước về thống kê...);

- Đánh giá vị trí, vai trò của thống kê đối với sự phát triển của bộ, ngành, địa phương;

- Những khó khăn, thách thức cơ bản đặt ra đối với công tác thống kê trong 10 năm qua; những yêu cầu cơ bản đối với thống kê trong 10 năm tới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHIẾN LƯỢC THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Kết quả công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược thống kê giai đoạn 2011-2020

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến Chiến lược Thống kê giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch 602, chương trình, kế hoạch thực hiện Chiến lược thống kê của bộ, ngành và địa phương;

b) Công tác ban hành văn bản triển khai thực hiện;

c) Công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện;

d) Công tác chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

(ghi số liệu vào Biểu 01/BN và Biểu 01/UBND gửi kèm).

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chương trình hành động của Chiến lược thống kê giai đoạn 2011-2020

a) Số lượng các hoạt động đã thực hiện so với Kế hoạch 602, chương trình, kế hoạch thực hiện Chiến lược thống kê của bộ, ngành, địa phương (số liệu ghi vào Biểu

02/BN và Biểu 02/UBND gửi kèm).

b) Đánh giá tình hình thực hiện từng chương trình hành động của Chiến lược thống kê giai đoạn 2011-2020

Đánh giá tình hình thực hiện từng hoạt động của mỗi chương trình hành động theo Kế hoạch 602, chương trình, kế hoạch thực hiện Chiến lược thống kê của bộ, ngành; những hạn chế và nguyên nhân (số liệu ghi vào Biểu số 03/BN gửi kèm);

c) Đánh giá hiệu quả của Chiến lược thống kê giai đoạn 2011-2020

- Đánh giá tác động của việc triển khai thực hiện Chiến lược thống kê trong 10 năm qua;

- Nêu những kinh nghiệm, mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả của bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện Chiến lược thống kê.

d) Kinh phí thực hiện Chiến lược thống kê giai đoạn 2011-2020

- Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp;

- Kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa hoặc các nguồn thu hợp pháp khác;

(ghi Số liệu vào Biểu 06/BN và Biểu 05/UBND gửi kèm).

đ) Tổ chức bộ máy và người làm công tác thống kê của bộ, ngành, địa phương

- Kiện toàn tổ chức thống kê của bộ, ngành, địa phương.

- Bố trí người làm công tác thống kê của bộ, ngành, địa phương.

(ghi số liệu vào Biểu 05/BN và Biểu 04A/UBND, Biểu 04B/UBND gửi kèm).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện Chiến lược thống kê

2. Kết quả đạt được

3. Hạn chế, tồn tại

4. Nguyên nhân của các hạn chế

5. Bài học kinh nghiệm

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2021-2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Trên cơ sở phân tích kết quả thực hiện Chiến lược thống kê giai đoạn 2011-2020 và dự báo tình hình trong 10 năm tới của bộ, ngành, địa phương để đưa ra định hướng phát triển thống kê của bộ, ngành, địa phương theo các nội dung như sau:

1. Xác định tầm nhìn của thống kê bộ, ngành, địa phương đến năm 2045;

2. Mục tiêu tổng quát của thống kê bộ, ngành, địa phương đến năm 2030;

3. Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn: Giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030;

4. Các nhiệm vụ trọng tâm của công tác thống kê bộ, ngành, địa phương trong 10 năm tới để đạt được các mục tiêu cụ thể nói trên.

V. Kiến nghị, đề xuất

1. Kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Kiến nghị, đề xuất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và các cơ quan liên quan.

Các đề xuất tập trung vào mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp mới trong Chiến lược giai đoạn 2021-2030 và các cơ chế, chính sách cụ thể để phát triển thống kê nhà nước nói chung, thống kê bộ, ngành, địa phương nói riêng.

Lưu ý:

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương tổng hợp, báo cáo ngắn gọn, khái quát đầy đủ nội dung; thống kê chi tiết số liệu theo danh sách biểu đính kèm (đối với Bộ, ngành áp dụng danh mục A. Mẫu biểu áp dụng cho Bộ, ngành; đối với địa phương áp dụng danh mục B. Mẫu biểu áp dụng cho địa phương), trên cơ sở đó đánh giá đúng mức, khách quan kết quả thực hiện Chiến lược thống kê để làm tiêu chí xem xét thi đua, khen thưởng thành tích thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030./.

A. MẪU BIỂU ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH

BỘ, NGÀNH.....

BIỂU 01/BN

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ LĨNH VỰC THỐNG KÊ ĐÃ BAN HÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2020

(Kèm theo Quyết định số 1122 /QĐ-BKHĐT ngày 17/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung văn bản	Ghi chú
A	B	C	D	E
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
...	...			

BỘ, NGÀNH.....

BIỂU SỐ 02/BN

SỐ LƯỢNG HOẠT ĐỘNG/CÔNG VIỆC CỦA CHIẾN LƯỢC THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2011-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 4422/QĐ-BKHĐT ngày 13 /7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: hoạt động

STT	Tên chương trình hành động	Số hoạt động/công việc của chương trình hành động	Số hoạt động/công việc đã thực hiện			Số hoạt động/công việc chưa triển khai thực hiện	Ghi chú
			Tổng số	Số hoạt động/công việc đã hoàn thành	Số hoạt động/công việc chưa hoàn thành		
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý và cơ chế điều phối các hoạt động thống kê						
2	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến và xây dựng, chuẩn hóa các quy trình thống kê theo chuẩn mực quốc tế						
3	Đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê						
4	Đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê						
5	Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê						
6	Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê						
7	Phát triển nhân lực làm công tác thống kê						
8	Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê						
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động thống kê						

BỘ, NGÀNH.....

BIỂU SỐ 03/BN

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ
GIAI ĐOẠN 2011-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1122 /QĐ-BKHĐT ngày 13 /7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Tên hoạt động *	- Đã hoàn thành, ghi số 1 - Chưa hoàn thành, ghi số 2 - Chưa thực hiện, ghi số 3	- Ghi tên sản phẩm đối với hoạt động đã hoàn thành - Ghi lý do đối với hoạt động chưa hoàn thành, chưa triển khai
A	B	1	2
1			
2			
3			
4			
5			
6			
...	...		

* Ghi tên hoạt động theo Kế hoạch số 602/BKHĐT-TCTK ngày 9/2/2012 và theo Kế hoạch thực hiện CLTK11-20 của bộ, ngành

BỘ, NGÀNH.....

BIỂU SỐ 04/BN

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ*(Kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-BKHĐT ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

STT	Tên chỉ tiêu thống kê	Thuộc Hệ thống/Bộ chỉ tiêu thống kê (đánh dấu x)					- Thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo đầy đủ các phân tổ, ghi số 1* - Thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo một số phân tổ, ghi số 2 - Chưa thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo ghi số 3	Ghi lý do nếu thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo một số phân tổ hoặc chưa thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo
		Quốc gia	Bộ, ngành	Phát triển giới quốc gia	Phát triển bền vững của Việt Nam	Asean		
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1	Tên chỉ tiêu							
2	Tên chỉ tiêu							
3	Tên chỉ tiêu							
4	Tên chỉ tiêu							
5	Tên chỉ tiêu							
...	...							

* Tổng cục Thống kê công bố các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

Đối với Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia, Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam, Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN: những chỉ tiêu thống kê trùng với chỉ tiêu thống kê quốc gia thì Tổng cục Thống kê công bố; những chỉ tiêu thống kê không trùng với chỉ tiêu thống kê quốc gia thì bộ, ngành công bố.

Các bộ, ngành công bố các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành.

BỘ, NGÀNH.....

BIỂU SỐ 05/BN

TỔ CHỨC BỘ MÁY, NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC THỐNG KÊ THUỘC BỘ, NGÀNH*(Kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-BKHĐT ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TT	Năm 2010 (31/12/2010)					Năm 2020 (31/9/2020)				
	Tên đơn vị thực hiện công tác thống kê	Chức năng chính của đơn vị	Tổng số CCVC làm công tác thống kê (Người)	Trong đó		Tên đơn vị thực hiện công tác thống kê	Chức năng chính của đơn vị	Tổng số CCVC làm công tác thống kê (Người)	Trong đó	
				CCVC kiêm nhiệm	CCVC được cấp văn bằng/chứng chỉ nghiệp vụ thống kê				CCVC kiêm nhiệm	CCVC được cấp văn bằng/chứng chỉ nghiệp vụ thống kê
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Ghi chú: Cột 3 và cột 8 (Chức năng chính):

- Thực hiện công tác thống kê, ghi số 1;
- Kiêm nhiệm thực hiện công tác thống kê, ghi số 2.

BỘ, NGÀNH.....

BIỂU SỐ 06/BN

**CÁC SỐ LIỆU KHÁC VỀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ
GIAI ĐOẠN 2011-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-BKHĐT ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn		Ghi chú
			2011-2015	2016-2020	
A	B	C	1	2	3
1	Áp dụng các tiêu chuẩn thống kê				
-	Số lượng tiêu chuẩn thống kê đã được xây dựng, ban hành và áp dụng	tiêu chuẩn			
	Chia ra: - Số lượng tiêu chuẩn thống kê phù hợp hoàn toàn với tiêu chuẩn thống kê quốc tế	tiêu chuẩn			
	- Số lượng tiêu chuẩn thống kê phù hợp một phần với tiêu chuẩn thống kê quốc tế	tiêu chuẩn			
	- Số lượng tiêu chuẩn thống kê riêng của Việt Nam	tiêu chuẩn			
2	Hoạt động nghiên cứu khoa học về thống kê				
-	Tổng số nhiệm vụ khoa học (chương trình, đề tài, dự án) nghiên cứu khoa học thống kê đã thực hiện	nhiệm vụ			
-	Tổng kinh phí đã sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ khoa học (chương trình, đề tài, dự án)	triệu đồng			
3	Xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu thống kê				
-	Số lượng cơ sở dữ liệu thống kê đã được xây dựng, cập nhật và khai thác	cơ sở dữ liệu			
	Chia ra: - Cơ sở dữ liệu thống kê vĩ mô	cơ sở dữ liệu			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn		Ghi chú
			2011-2015	2016-2020	
A	B	C	1	2	3
	- Cơ sở dữ liệu thống kê vi mô	cơ sở dữ liệu			
-	Tổng số lượt người truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê	lượt người			
	Tr.đó: Số lượt người trích xuất được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu thống kê	lượt người			
4	Phổ biến thông tin thống kê				
-	Tổng số ấn phẩm thống kê được biên soạn và phát hành				
	Chia ra: - Niên giám thống kê (hoặc có tính chất như niên giám thống kê)	ấn phẩm			
	- Báo cáo phân tích, dự báo thống kê	ấn phẩm			
	- Ấn phẩm khác	ấn phẩm			
-	Số cuộc khảo sát về mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê đã được tổ chức	cuộc khảo sát			
-	Tỷ lệ người sử dụng thông tin thống kê hài lòng với thông tin thống kê được cung cấp, phổ biến	%			
-	Tỷ lệ đầy đủ của số liệu thống kê*	%			
-	Tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê**				
5	Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê				
-	Tổng số hiệp định/biên bản ghi nhớ/chương trình hợp tác trong lĩnh vực thống kê đã ký kết với các nước và tổ chức quốc tế				Ghi rõ tên các tổ chức quốc tế, nước đã ký kết
-	Tổng số dự án/chương trình tài trợ/hỗ trợ cho hoạt động thống kê				
-	Tổng kinh phí các dự án/chương trình tài trợ/hỗ trợ cho hoạt động	nghìn USD			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn		Ghi chú
			2011-2015	2016-2020	
A	B	C	1	2	3
	thống kê				
6	Kinh phí sử dụng cho hoạt động thống kê (không kể kinh phí nhiệm vụ khoa học; dự án/chương trình hỗ trợ)				
-	Tổng số kinh phí sử dụng cho hoạt động thống kê	triệu đồng			
	Chia ra: - Từ nguồn ngân sách nhà nước	triệu đồng			
	Trong đó: Tổng kinh phí thực hiện CLTK11-20	triệu đồng			
	- Từ các nguồn khác	triệu đồng			
	Trong đó: Tổng kinh phí thực hiện CLTK11-20	triệu đồng			
7	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê				
-	Tổng số vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	vụ			
	Chia ra: - Số vụ xử phạt tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	vụ			
	- Số vụ xử phạt cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	vụ			
-	Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	triệu đồng			

B. MẪU BIỂU ÁP DỤNG ĐỐI VỚI ĐỊA PHƯƠNG

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ:

BIỂU SỐ 01/UBND

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ LĨNH VỰC THỐNG KÊ ĐÃ BAN HÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2020*(Kèm theo Quyết định số 1122 /QĐ-BKHĐT ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung văn bản	Ghi chú
A	B	C	D	E
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
...				

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

BIỂU SỐ 02/UBND

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ
GIAI ĐOẠN 2011-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-BKHĐT ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Tên hoạt động*	- Đã hoàn thành, ghi số 1 - Chưa hoàn thành, ghi số 2 - Chưa thực hiện, ghi số 3	- Ghi tên sản phẩm đối với hoạt động đã hoàn thành - Ghi lý do đối với hoạt động chưa hoàn thành, chưa triển khai
A	B	1	2
1			
2			
3			
4			
5			
...	...		

* Ghi tên hoạt động theo Kế hoạch số 602/BKHĐT-TCTK ngày 9/2/2012 và Kế hoạch thực hiện CLTK11-20 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ:

BIỂU SỐ 03/UBND

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 1122 /QĐ-BKHĐT ngày 07/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Tên chỉ tiêu thống kê	Thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê (đánh dấu x)			- Thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo đầy đủ các phân tổ, ghi số 1 - Thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo một số phân tổ, ghi số 2 - Chưa thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo, ghi số 3	Ghi rõ lý do chưa thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo một số phân tổ hoặc chưa thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
A	B	1	2	3	4	5
1	Tên chỉ tiêu					
2	Tên chỉ tiêu					
3	Tên chỉ tiêu					
4	Tên chỉ tiêu					
5	Tên chỉ tiêu					
...	...					

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ:

BIỂU SỐ 04A/UBND

SỞ CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC LÀM THỐNG KÊ THUỘC SỞ, BAN, NGÀNH ĐỊA PHƯƠNG*(Kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-BKHĐT ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TT	Tên Sở, ban ngành ²	Năm 2010 (31/12/2010)			Năm 2020 (30/9/2020)		
		Tổng số CCVC làm thống kê	Trong đó:		Tổng số CCVC làm thống kê	Trong đó:	
			Số CCVC kiêm nhiệm làm thống kê	Số CCVC được cấp bằng hoặc chứng chỉ nghịệp vụ thống kê		Số CCVC kiêm nhiệm làm thống kê	Số CCVC được cấp bằng hoặc chứng chỉ nghịệp vụ thống kê

² Không bao gồm Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ:

BIỂU SỐ 04B/UBND

SỐ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC THỐNG KÊ CỦA XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Kèm theo Quyết định số 4127/QĐ-BKHĐT ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Số xã, phường, thị trấn tại thời điểm:

- 31/12/2010:.....

-31/6/2020:.....

2. Số công chức làm công tác thống kê

		Năm 2010 (31/12/2010)		Năm 2020 (30/9/2020)	
		Tổng số	Tr.đó: Đã được cấp bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng công tác thống kê	Tổng số	Tr.đó: Đã được cấp bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng công tác thống kê
	Tổng số				
	Chia ra:				
-	Chuyên trách làm thống kê				
-	Kiểm nhiệm làm thống kê				

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

BIỂU SỐ 05/UBND

CÁC SỐ LIỆU KHÁC VỀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ
GIẢI ĐOẠN 2011-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-BKHĐT ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn		Ghi chú
			2011-2015	2016-2020	
A	B	C	1	2	3
1	Phổ biến thông tin thống kê				
-	Tổng số ấn phẩm thống kê được biên soạn và phát hành	ấn phẩm			
	Chia ra: - Niên giám thống kê (hoặc có tính chất như niên giám thống kê)	ấn phẩm			
	- Báo cáo phân tích, dự báo thống kê	ấn phẩm			
	- Báo cáo chuyên đề	ấn phẩm			
	- Ấn phẩm khác	ấn phẩm			
-	Tỷ lệ đầy đủ của số liệu thống kê*	%			
-	Tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê**				
2	Kinh phí sử dụng cho hoạt động thống kê³				
-	Tổng số kinh phí sử dụng cho hoạt động thống kê	triệu đồng			
	Chia ra: - Từ nguồn ngân sách nhà nước	triệu đồng			

³ Không bao gồm: - Tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất như lương, kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.
- Kinh phí Tổng cục Thống kê đã cấp cho Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện
- Kinh phí nhiệm vụ khoa học; dự án/chương trình hỗ trợ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn		Ghi chú
			2011-2015	2016-2020	
A	B	C	1	2	3
	Trong đó: Tổng kinh phí thực hiện CLTK11-20	triệu đồng			
	- Từ các nguồn khác	triệu đồng			
	Trong đó: Tổng kinh phí thực hiện CLTK11-20	triệu đồng			
3	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê				
-	Tổng số vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	vụ			
	Chia ra: - Số vụ xử phạt tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	vụ			
	- Số vụ xử phạt cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	vụ			
-	Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	triệu đồng			

Ghi chú:

1. Tỷ lệ đầy đủ của số liệu thống kê*

Tỷ lệ đầy đủ của số liệu thống kê là tỷ lệ giữa số lượng các số liệu được công bố so với tổng số lượng các số liệu phải công bố. Tỷ lệ này nhận giá trị từ 0 đến 1 (hoặc từ 0% đến 100%), càng gần 1 số liệu càng đầy đủ. Tổng số lượng các số liệu phải công bố là những số liệu thuộc thẩm quyền công bố theo quy định của Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thống kê. Căn cứ vào quy định về “Phân tổ chủ yếu” và kỳ công bố của các chỉ tiêu để xác định tổng số lượng các số liệu phải công bố.

Ví dụ: Chỉ tiêu GDP và cơ cấu GDP (theo giá thực tế) phân theo khu vực kinh tế của Việt Nam năm 2015 như Bảng 1 dưới đây:

	GDP (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
A	1	2
Tổng số	3.773.576	100,0
1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	712460	18,9
2. Công nghiệp và xây dựng	1394130	36,9
3. Dịch vụ	1.665.962	44,1

Bảng trên cho thấy, tổng số lượng các số liệu phải công bố là 8 số liệu, gồm 4 số liệu ở Cột 1 (số tuyệt đối của GDP phân theo 3 khu vực) và 4 số liệu ở Cột 2 (Cơ cấu GDP của 3 khu vực). Số lượng các số liệu được công bố cũng là 8 số. Tỷ lệ đầy đủ của số liệu là 1 hay 100% (8/8).

Nếu chỉ công bố được tổng số GDP (Ô số liệu đầu tiên ở Cột 1), không công bố được các số liệu GDP phân theo khu vực kinh tế và cơ cấu của chúng. Trường hợp này, tỷ lệ đầy đủ của số liệu là 0,13 (1/8) hay 13%.

2. Tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê**

Tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê là thời gian trễ giữa ngày công bố thực tế so với thời gian qui định công bố trong lịch phổ biến thông tin (hoặc quy chế phổ biến thông tin, thỏa thuận với đối tác). Ví dụ, xác định tính đúng hạn của kết quả điều tra DN 2018

TT	Kết quả thống kê	Thời gian công bố theo lịch	Thời gian công bố thực tế	Tính đúng hạn của kết quả điều tra DN
A	B	1	2	3
1	KQ sơ bộ điều tra DN	30/6/2018	15/7/2018	Chậm 15 ngày
2	KQ chính thức điều tra DN	30/9/2018	30/9/2018	Đúng hạn